



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ  
THIẾT BỊ GIÁO DỤC MIỀN NAM**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 05/01/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 44.050.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2014 của Công ty là 44.050.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 53,12% vốn điều lệ.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (08) 38300312- 38358423
- Fax: (08) 38351488- 38390727
- Website: [www.sobee.com.vn](http://www.sobee.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 75 người. Trong đó nhân viên quản lý là 7 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### **Hội đồng quản trị**

- |                      |            |  |
|----------------------|------------|--|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 21/04/2014                               |
| • Ông Vũ Bá Hòa      | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010<br>Miễn nhiệm ngày 21/04/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010                               |
| • Bà Đỗ Thị Mai Anh  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010                               |
| • Ông Đỗ Thành Lâm   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010<br>Miễn nhiệm ngày 21/04/2014 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17/04/2013                               |

### **Ban Kiểm soát**

- |                      |            |  |
|----------------------|------------|--|
| • Ông Trần Lê Quang  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 21/04/2014                               |
| • Bà Dương Văn Nhung | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010<br>Miễn nhiệm ngày 21/04/2014 |
| • Ông Hồ Anh Tuấn    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22/04/2010                               |

### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

- |                           |                   |                          |
|---------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Vũ Bá Hòa           | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/07/2012 |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29/08/2012 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu       | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 26/04/2010 |
| • Bà Nguyễn Mai Hoa       | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 06/04/2010 |

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

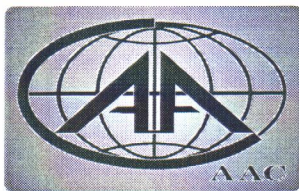
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2015

11/01/2015



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dng.vnn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 18/2015/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08/01/2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu kiểm toán viên tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và Thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 01 năm 2015

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.549.972.946</b>	<b>56.402.608.726</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.360.629.326</b>	<b>3.015.640.164</b>
1. Tiền	111		4.360.629.326	3.015.640.164
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.173.452.921</b>	<b>530.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	12.173.452.921	530.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.040.370.724</b>	<b>7.762.943.796</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11.011.137.575	6.331.082.549
2. Trả trước cho người bán	132		22.368.954	45.721.478
3. Các khoản phải thu khác	135	7	805.612.268	2.168.024.786
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(798.748.073)	(781.885.017)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>21.766.944.876</b>	<b>44.735.074.646</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	21.967.996.846	45.091.674.646
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(201.051.970)	(356.600.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>208.575.099</b>	<b>358.950.120</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	187.916.581	175.427.806
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	20.658.518	183.522.314
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.889.910.832</b>	<b>19.504.846.657</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>562.369.319</b>	<b>994.412.146</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	562.369.319	994.412.146
- Nguyên giá	222		2.828.662.396	2.828.662.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.266.293.077)	(1.834.250.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		34.000.000	34.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.000.000)	(34.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>20.212.839.440</b>	<b>18.438.775.988</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.329.000.000	3.329.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		16.883.839.440	15.183.839.440
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(74.063.452)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>114.702.073</b>	<b>71.658.523</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	24.702.073	71.658.523
2. Tài sản dài hạn khác	268	16	90.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>70.439.883.778</b>	<b>75.907.455.383</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>15.663.447.681</b>	<b>26.517.772.256</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>15.663.447.681</b>	<b>26.517.772.256</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		9.941.821.513	19.373.756.129
3. Người mua trả tiền trước	313		264.123.563	152.170.984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	681.439.694	1.040.947.817
5. Phải trả người lao động	315		969.738.368	1.207.266.062
6. Chi phí phải trả	316	19	2.037.386.590	1.506.480.816
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	610.426.245	2.616.859.992
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		158.511.708	620.290.456
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.776.436.097</b>	<b>49.389.683.127</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>54.776.436.097</b>	<b>49.389.683.127</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	44.050.000.000	44.050.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	21	(200.000.000)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	3.451.652.455	2.983.533.229
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.868.460.327	1.400.341.101
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	5.606.323.315	955.808.797
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>70.439.883.778</b>	<b>75.907.455.383</b>



Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	314.041.485.029	304.148.613.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	867.764.639	1.801.146.985
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	313.173.720.390	302.347.466.402
4. Giá vốn hàng bán	11	23	280.882.696.337	274.959.064.778
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>32.291.024.053</u>	<u>27.388.401.624</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.510.443.982	5.123.898.531
7. Chi phí tài chính	22	25	688.248.586	1.488.451.673
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.133.333	-
8. Chi phí bán hàng	24		14.481.001.903	11.092.716.615
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.034.924.539	12.304.469.887
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>6.597.293.007</u>	<u>7.626.661.980</u>
11. Thu nhập khác	31	26	2.457.923.563	1.260.707.777
12. Chi phí khác	32	27	433.134.156	590.833.496
13. Lợi nhuận khác	40		<u>2.024.789.407</u>	<u>669.874.281</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	28	<u>8.622.082.414</u>	<u>8.296.536.261</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.049.431.858	1.322.201.362
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	28	<u>6.572.650.556</u>	<u>6.974.334.899</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.497	1.583



Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung  
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	309.786.053.132	303.760.502.295
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(279.608.664.923)	(295.445.994.971)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(10.607.411.355)	(10.662.245.974)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.133.333)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.861.608.086)	(814.493.898)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	882.478.545	343.108.092
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.604.719.835)	(7.372.580.765)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.983.994.145</b>	<b>(10.191.705.221)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(90.182.272)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	4.356.547.079	10.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.700.000.000)	(12.234.839.440)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	500.000.000	2.500.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.358.447.938	1.240.161.666
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.485.004.983)</b>	<b>(8.574.860.046)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(200.000.000)	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.300.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.954.000.000)	(6.392.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.154.000.000)</b>	<b>(6.392.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>1.344.989.162</b>	<b>(25.158.565.267)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.015.640.164	28.174.205.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.360.629.326</b>	<b>3.015.640.164</b>



Vũ Bá Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Mai Hoa

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hữu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309902130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2010. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần thay đổi gần nhất vào ngày 05/01/2015. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### *Ngành nghề kinh doanh chính*

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- In ấn (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành), văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất đồ dùng dạy học, trang thiết bị trường học (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản), đấu giá;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Biên tập, biên soạn sách, dịch thuật (trừ xuất bản sách).

### 2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

##### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Máy móc thiết bị	2
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Các tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình khác được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Trang Web công ty	4

### 4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

### 4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

**4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.14 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác và tài sản tài chính khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	238.906.934	81.599.128
Tiền gửi ngân hàng	4.121.722.392	2.934.041.036
<b>Cộng</b>	<b>4.360.629.326</b>	<b>3.015.640.164</b>

## 6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho vay ngắn hạn	12.173.452.921	530.000.000
- Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	12.143.452.921	-
- Ông Vũ Bá Hòa	-	500.000.000
- Ông Đỗ Thành Lâm	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.173.452.921</b>	<b>530.000.000</b>

(\*) Cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo Hợp đồng số 01-2014/HĐVV/NXBGDVN-STBGDMN ngày 15/04/2014, thời hạn cho vay tối đa là 4 tháng, lãi suất: 10,5%/năm, trường hợp lãi suất thay đổi sẽ có văn bản thỏa thuận giữa các bên. Ngày 15/09/2014, hai bên ký kết Phụ lục Hợp đồng vay vốn, theo đó điều chỉnh lãi suất cho vay là 8,8%/năm, gia hạn thời gian vay vốn đến 31/12/2014.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	500.000.000
Phải thu cán bộ CNV về thuế TNCN	741.540.013	969.831.765
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (Ngô Trần Hàn Thuyên)	-	500.000.000
Lãi dự thu	2.433.334	50.125.000
Phải thu BHXH	36.368.921	129.239.405
Phải thu khác	25.270.000	18.828.616
<b>Cộng</b>	<b>805.612.268</b>	<b>2.168.024.786</b>

### 8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	8.168.971	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	8.694.085	-
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	781.885.017	781.885.017
<b>Cộng</b>	<b>798.748.073</b>	<b>781.885.017</b>

### 9. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.075.860.122	877.271.021
Công cụ, dụng cụ	3.390.000	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.292.374.251	526.183.823
Thành phẩm	4.510.684.442	5.158.555.704
Hàng hóa	15.021.289.433	38.508.159.461
Hàng gửi đi bán	64.398.598	21.504.637
<b>Cộng</b>	<b>21.967.996.846</b>	<b>45.091.674.646</b>

### 10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế GTGT đầu vào của hàng tồn kho chờ phân bổ	133.982.828	115.253.701
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	53.933.753	60.174.105
<b>Cộng</b>	<b>187.916.581</b>	<b>175.427.806</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	20.000.000	1.300.993
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	658.518	182.221.321
<b>Cộng</b>	<b>20.658.518</b>	<b>183.522.314</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	291.519.000	2.124.700.182	412.443.214	2.828.662.396
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>291.519.000</b>	<b>2.124.700.182</b>	<b>412.443.214</b>	<b>2.828.662.396</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	150.665.000	1.290.380.823	393.204.427	1.834.250.250
Khấu hao trong năm	115.626.507	283.450.031	32.966.289	432.042.827
Trình bày lại	24.246.419	981.082	(25.227.501)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>290.537.926</b>	<b>1.574.811.936</b>	<b>400.943.215</b>	<b>2.266.293.077</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	140.854.000	834.319.359	19.238.787	994.412.146
<b>Số cuối năm</b>	<b>981.074</b>	<b>549.888.246</b>	<b>11.499.999</b>	<b>562.369.319</b>

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 801.943.214 đồng.  
Không có Tài sản cố định nào đang cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2014.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Trang web công ty VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	34.000.000	34.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu năm	34.000.000	34.000.000
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>34.000.000</b>	<b>34.000.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### 14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.329.000.000		3.329.000.000
- Công ty CP Sách - TBTH Bà Rịa Vũng Tàu (i)	122.900	1.229.000.000	122.900	1.229.000.000
- Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương (i)	210.000	2.100.000.000	210.000	2.100.000.000
Đầu tư dài hạn khác		16.883.839.440		15.183.839.440
- Dự án Mai Thị Lựu (ii)		15.183.839.440		15.183.839.440
- Quỹ đầu tư xuất bản (iii)		1.700.000.000		-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		-		(74.063.452)
<b>Cộng</b>		<b>20.212.839.440</b>		<b>18.438.775.988</b>

(i) Vốn đầu tư của Công ty chiếm 35% vốn thực góp của Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa Vũng Tàu, vốn đầu tư của Công ty chiếm 21% vốn thực góp của Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương. Báo cáo tài chính (trước kiểm toán) của Công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

(ii) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 15.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01, cụ thể Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sẽ thay thế pháp nhân thực hiện dự án của Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công trình đã hoàn thành và đang trong giai đoạn nghiệm thu bàn giao.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

(iii) Là khoản tiền mà Công ty đã tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam để đầu tư cho hoạt động xuất bản Sách giáo khoa và Sách bổ trợ. Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 06-MN/2013/ĐTXB ngày 25/11/2013, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm kể từ ngày 25/11/2013 và thời hạn trên có thể được kéo dài theo thỏa thuận của 2 bên.

### 15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	24.702.073	14.573.545
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	-	57.084.978
<b>Cộng</b>	<b>24.702.073</b>	<b>71.658.523</b>

### 16. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kí quỹ, kí cược dài hạn	90.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>90.000.000</b>	<b>-</b>

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn Công ty CP Sách - TBTH Bình Thuận	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	193.153.467	44.429.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	369.710.082	181.886.309
Thuế thu nhập cá nhân	118.576.145	814.631.888
<b>Cộng</b>	<b>681.439.694</b>	<b>1.040.947.817</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 19. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	309.741.413	835.660.073
Chi phí nhuận bút tác giả	1.677.645.177	670.820.743
Chi phí kiểm toán	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.037.386.590</b>	<b>1.506.480.816</b>

### 20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	29.441.312	29.441.312
Kinh phí công đoàn	121.155.724	177.220.604
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	40.000.000
Cổ tức phải trả	-	1.954.000.000
Hoa hồng môi giới	431.045.419	132.356.248
Phải trả khác	8.783.790	283.841.828
<b>Cộng</b>	<b>610.426.245</b>	<b>2.616.859.992</b>

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2013	44.050.000.000	-	2.634.816.484	1.051.624.356	1.011.057.622
Tăng trong năm	-		348.716.745	348.716.745	6.974.334.899
Giảm trong năm	-		-	-	7.029.583.724
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.983.533.229</b>	<b>1.400.341.101</b>	<b>955.808.797</b>
Số dư tại 01/01/2014	44.050.000.000	-	2.983.533.229	1.400.341.101	955.808.797
Tăng trong năm	-	(200.000.000)	468.119.226	468.119.226	6.572.650.556
Giảm trong năm	-		-	-	1.922.136.038
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>3.451.652.455</b>	<b>1.868.460.327</b>	<b>5.606.323.315</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	23.400.000.000	23.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.450.000.000	20.650.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>44.050.000.000</b>	<b>44.050.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu thường	4.405.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	20.000	-
- Cổ phiếu thường	20.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.385.000	4.405.000
- Cổ phiếu thường	4.385.000	4.405.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	955.808.797	1.011.057.622
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.572.650.556	6.974.334.899
Phân phối lợi nhuận sau thuế bổ sung năm 2013	278.973.396	-
- Quỹ đầu tư phát triển	139.486.698	-
- Quỹ dự phòng tài chính	139.486.698	-
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 (*)	1.643.162.642	7.029.583.724
- Quỹ đầu tư phát triển	328.632.528	348.716.745
- Quỹ dự phòng tài chính	328.632.528	348.716.745
- Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng Ban điều hành	985.897.586	1.046.150.234
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	5.286.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>5.606.323.315</b>	<b>955.808.797</b>

(\*) Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế trong năm 2014 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/2014/NQ-HĐQT ngày 17/12/2014.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 22. Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	314.041.485.029	304.148.613.387
+ Doanh thu Sách giáo khoa	259.598.586.397	260.395.252.217
+ Doanh thu Sách tham khảo	42.091.773.896	29.341.125.456
+ Doanh thu khác	12.351.124.736	14.412.235.714
Các khoản giảm trừ doanh thu	867.764.639	1.801.146.985
+ Hàng bán bị trả lại	867.764.639	1.801.146.985
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>313.173.720.390</b>	<b>302.347.466.402</b>

### 23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn Sách giáo khoa	244.391.115.482	242.122.258.778
Giá vốn Sách tham khảo	26.115.708.002	20.211.781.723
Giá vốn hoạt động khác	10.531.420.883	12.288.461.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(155.548.030)	336.563.143
<b>Cộng</b>	<b>280.882.696.337</b>	<b>274.959.064.778</b>

### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.207.199.954	1.133.008.095
Cổ tức, lợi nhuận được chia	58.377.500	157.278.571
Chiết khấu thanh toán nhanh được hưởng	1.244.866.528	3.833.611.865
<b>Cộng</b>	<b>2.510.443.982</b>	<b>5.123.898.531</b>

### 25. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chiết khấu thanh toán nhanh	760.178.705	1.414.388.221
Chi phí lãi vay	2.133.333	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(74.063.452)	74.063.452
<b>Cộng</b>	<b>688.248.586</b>	<b>1.488.451.673</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 26. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ vận chuyển hàng hóa	617.043.735	-
Thu nhập từ bán phế liệu	74.016.182	165.248.007
Thu nhập từ bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	1.248.195.258	1.088.204.988
Thu nhập từ bán công cụ dụng cụ	309.652.360	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư	191.516.028	-
Thu nhập khác	17.500.000	7.254.782
<b>Cộng</b>	<b>2.457.923.563</b>	<b>1.260.707.777</b>

### 27. Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn vật tư thanh lý	186.319.014	-
Chi phí bốc xếp hàng hóa, gia công cắt rọc	243.415.142	585.782.419
Chi phí khác	3.400.000	5.051.077
<b>Cộng</b>	<b>433.134.156</b>	<b>590.833.496</b>

### 28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.622.082.414	8.296.536.261
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	693.516.941	273.895.467
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	751.894.441	431.174.038
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	58.377.500	157.278.571
Tổng thu nhập chịu thuế	9.315.599.355	8.570.431.727
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.049.431.858	1.322.201.362
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>6.572.650.556</b>	<b>6.974.334.899</b>

### 29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.572.650.556	6.974.334.899
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	6.572.650.556	6.974.334.899
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.389.493	4.405.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.497</b>	<b>1.583</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***30. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.781.343.499	4.656.774.179
Chi phí nhân công	11.899.972.750	11.503.596.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	432.042.827	573.825.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.915.470.700	13.362.254.071
Chi phí khác bằng tiền	5.776.019.694	4.740.500.179
<b>Cộng</b>	<b>44.804.849.470</b>	<b>34.836.950.136</b>

**31. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

**32. Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Tuy nhiên, trong năm Công ty chỉ phát sinh khoản vay Công ty CP Sách - TBTH Bình Thuận vào thời điểm cuối năm nên Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản (chủ yếu là Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh), đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty tương đối rộng, trải dài khắp cả nước. Tuy nhiên, các khách hàng chủ yếu là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	1.000.000.000		1.000.000.000
Phải trả người bán	9.941.821.513	-	9.941.821.513
Chi phí phải trả	2.037.386.590	-	2.037.386.590
Phải trả khác	459.829.209	-	459.829.209
<b>Cộng</b>	<b>13.439.037.312</b>	<b>-</b>	<b>13.439.037.312</b>

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	19.373.756.129	-	19.373.756.129
Chi phí phải trả	1.506.480.816	-	1.506.480.816
Phải trả khác	2.410.198.076	-	2.410.198.076
<b>Cộng</b>	<b>23.290.435.021</b>	<b>-</b>	<b>23.290.435.021</b>

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.360.629.326	-	4.360.629.326
Phải thu khách hàng	10.212.389.502	-	10.212.389.502
Đầu tư tài chính	12.173.452.921	16.883.839.440	29.057.292.361
Phải thu khác	805.612.268	-	805.612.268
Tài sản tài chính khác	658.518	90.000.000	90.658.518
<b>Cộng</b>	<b>27.552.742.535</b>	<b>16.973.839.440</b>	<b>44.526.581.975</b>

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.015.640.164	-	3.015.640.164
Phải thu khách hàng	5.549.197.532	-	5.549.197.532
Đầu tư tài chính	530.000.000	15.183.839.440	15.713.839.440
Phải thu khác	2.168.024.786	-	2.168.024.786
Tài sản tài chính khác	182.221.321	-	182.221.321
<b>Cộng</b>	<b>11.445.083.803</b>	<b>15.183.839.440</b>	<b>26.628.923.243</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 33. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu EMCO	Chung công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên kết



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Học liệu EMCO	Thiết bị giáo dục	153.219.070	158.003.400
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách giáo khoa	221.870.391.341	269.434.372.611
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Sách bổ trợ, sách tham khảo	-	441.052.320
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Công in	70.482.530	158.859.436
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	270.925.940	306.927.974
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Sách giáo khoa	2.227.599.844	2.461.637.698
Công ty CP Sách TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, tham khảo, TBGD	8.050.020.286	5.579.420.165
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	2.407.681.790	2.780.792.737
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Sách giáo khoa, sách tham khảo	1.724.681.480	2.489.609.018
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa, sách tham khảo	238.874.193	845.622.221
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Tiền thuê mặt bằng, điện nước	700.788.599	728.413.209
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Sách giáo khoa	117.309.600	271.674.000
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Học liệu EMCO	Cung ứng sách	2.416.097.784	46.500.223
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, c/khẩu t/toán	1.244.866.528	4.729.417.643
Công ty CP Sách GD tại TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	4.342.323.460	3.654.046.581
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Bình Thuận	Cung ứng sách	12.260.588.056	12.002.771.718
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Cung ứng sách	14.697.389.211	13.114.313.384
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách, thiết bị GD	45.204.248.422	42.022.424.554
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách, thiết bị GD	10.154.572.414	9.058.364.631
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng sách	4.402.793.229	1.667.297.333
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cung ứng sách	790.514.425	1.466.733.486
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng sách	1.352.639.314	2.760.422.046
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng sách	5.825.108.370	6.447.820.611
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học Bến Tre	Cung ứng sách	8.601.773.739	8.742.336.655
Công ty CP Sách TB-TH Bà Rịa - Vũng Tàu	Cung ứng sách	10.134.430.144	7.181.749.788
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học Tiền Giang	Cung ứng sách	12.477.442.190	12.454.519.971
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	15.000.000.000	16.500.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Thu hồi tiền cho vay	2.856.547.079	33.232.524.908
	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	
	Thu hồi tiền cho vay	1.000.000.000	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Phải thu khách hàng	83.701.363	23.542.400
	Cho vay ngắn hạn	12.143.452.921	
Công ty CP Sách và TBGD Bình Dương	Phải thu khách hàng	419.568.154	698.316.849
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Phương Nam	Phải thu khách hàng	39.832.745	9.339.855
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Phải thu khách hàng	257.011.635	193.784.833
Công ty CP Sách và TBTH Bình Thuận	Phải thu khách hàng	190.460.563	117.425.094
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải trả người bán	264.807.903	
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Phải thu khách hàng	40.731.421	122.470.579
<b>Phải trả</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ tức phải trả	-	1.708.000.000
Công ty CP Học liệu EMCO	Cổ tức phải trả	-	126.000.000
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	2.740.666.394	2.056.904.983
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hóa	Phải trả người bán	180.000.000	180.000.000
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Đà Nẵng	Phải trả người bán	122.918.870	96.869.270
	Cổ tức phải trả	-	120.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán	2.405.840.751	11.571.826.108
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	197.746.072	88.272.500
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả người bán	255.407.500	1.934.109.100
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Phải trả người bán	93.316.236	60.283.141
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phải trả người bán	482.636.466	755.996.693
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Phải trả người bán	36.977.516	77.485.852

d. Các giao dịch khác

		Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Giám đốc	Tiền lương	2.612.591.489	1.464.427.983
	Tiền thưởng	138.120.000	133.260.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	246.233.334	190.722.219
Ban kiểm soát	Tiền lương	461.370.109	236.859.874
	Tiền thưởng	25.043.998	20.610.000
	Tiền thù lao	74.666.668	41.522.219



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

### 35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.



**Vũ Bá Hòa**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2015

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Mai Hoa**

**Người lập biểu**

**Nguyễn Thanh Hữu**